TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/9/2020
V/v: *"Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Xuyến.
2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch *tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Vân Hoàng yến, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 660/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 848/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Số 25, tổ 1, ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh H, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2020, bản tự khai ngày 26/5/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND

xã P, huyện N vào ngày 19/11/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, cách sống của hai bên không hợp nhau, thường hay cải vã làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc. Do không chịu đựng được nên từ tháng 8 năm 2019, Bà trở về nhà cha, mẹ và sống ly thân với ông H cho đến nay, không hòa giải đoàn tụ được. Nay Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết được ly hôn ông H.

Mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương không biết vì chưa qua hòa giải tại đại phương.

Về con chung: Cháu Trần Gia H, sinh ngày 24/5/2016 và cháu Trần Nguyễn Gia M, sinh ngày 19/02/2012 do Bà đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, còn ông H có nợ ai hay không, Bà không biết.

Ngày 21/9/2020, bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Ông vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của ông H.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn ông H.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và xử cho bà T được ly hôn ông H.

Về con chung: Giao cháu Gia H, Gia M cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T thì khai không có và ông H không có lời khai nên không xem xét.

Về kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 31/3/2020, bà T có đơn yêu cầu ly hôn đối ông Trần Minh H. Theo xác nhận của Ban Công an xã P thì ông H có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch được quy định tại Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông H nhưng Ông vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Ngày 21/9/2020, bà T có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết*: Quan hệ hôn nhân và gia đình của bà T, ông H được xác lập trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu luật (ngày 01/01/2015) nên áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông H xây dựng gia đình vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N vào ngày 19/11/2010 do cả hai cùng tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn, ông H vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Xét, mâu thuẫn vợ chồng theo lời khai của bà T thì phát sinh từ tháng 6/2018, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống của hai bên không hợp nhau, thường hay cải vã làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng lâm vào cảnh bế tắc. Từ tháng 8 năm 2019, Bà trở về nhà cha, mẹ và sống ly thân với ông H cho đến nay, vợ chồng không hòa giải đoàn tụ được, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có cơ sở khẳng định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể tồn tại hôn nhân mà không có hạnh phúc nên xử cho bà T được ly hôn ông H là phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] *Về con chung:* Có hai con là cháu Trần Gia H, sinh ngày 24/5/2016 và cháu Trần Nguyễn Gia M, sinh ngày 19/02/2012 do bà T đang nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Gia M vào ngày 26/5/2020, có lời khai thể hiện nguyện vọng được sinh sống với bà T. Do ông H vắng mặt nên không biết được yêu cầu của Ông như thế nào để xem xét.

Xét,việc giao con cho ai được nuôi dưỡng cần xem xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế thực tế, chỗ ở của các bên, điều kiện để phát triển về mọi mặt của con từ thể chất đến tinh thần, việc học hành và nguyện vọng của con. Theo lời khai của bà T thì Bà có việc làm và thu nhập ổn định và từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, Bà nuôi con luôn được đảm bảo tốt. Vì vậy, xử giao cháu Gia H, Gia M cho bà Thoa được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, nhằm giữ ổn định cho sự phát triển về tinh thần, thể chất và cuộc sống của các con, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Gia M và quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T thì khai không có và ông H không có lời khai nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bà T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

[9] Về quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273 và khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Trần Minh H.

Xử cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 24/5/2016 và cháu Trần Nguyễn Gia M, sinh ngày 19/02/2012 cho bà T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà T, ông H vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông H có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000234 ngày 17/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3. Bà T, Ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản sao bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Nhơn Trạch;
- THADS H.Nhơn Trạch;
- UBND xã P,
huyện Nhơn Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tấn Mỹ